

# LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA

## QUYỂN 41

### Chương 2: KIỀN-ĐỘ SỬ

#### Phẩm 4: MƯỜI MÔN, Phần 5

Hỏi: Vì sao Đức Thế tôn trước nói Khổ đế, cho đến sau nói Đạo đế?

Đáp: Vì muốn cho nghĩa vẫn thuận theo, nên trước nói Khổ đế, sau nói Đạo đế, thì nghĩa vẫn thuận theo.

Lại nữa, nếu nói Đế như thế, thì người nói cũng dễ, người thọ cũng dễ.

Lại nữa, các pháp này hoặc do chỗ khởi mà được tên, hoặc do theo nghĩa mà được tên, hoặc do khi thấy mà được tên.

Do chỗ khởi mà được tên: Như hành giả của niệm xứ thiền, định Vô sắc v.v..., trước tu thân niệm xứ, Phật trước nói thân niệm xứ, sau cho đến nói pháp niệm xứ, thiền, định Vô sắc nói rộng cũng thế.

Theo nghĩa mà được tên: Như chánh dứt, thần túc, căn, lực, giác, đạo v.v...

Lúc thấy được tên: Như hành giả bốn Thánh đế, trước thấy Khổ đế nên Phật trước nói về khổ đế, sau đến thấy đạo đế, nên Đức Phật về sau nói Đạo đế.

Hỏi: Ở đây, nhân luận sinh luận, vì sao hành giả trước thấy khổ đế, sau cho đến thấy đạo đế?

Đáp: Vì thô, tế nên khổ đế trong bốn đế là rất thô. Do khổ đế thô nên hành giả trước thấy. Ba đế vì tế nên hành giả thấy sau. Như người Sách-ca, người Xà-ma-na, người Đâu-khư-la, lúc học bản, trước bản

vào cái nia, người cỏ (hình nộm) trét đất sét ướt v.v..., mũi tên đều dính vào. Sau, dần dần học tập thêm, cho đến bắn một sợi lông. Hành giả kia cũng giống như thế.

Hỏi: Lẽ ra trước nhân, sau quả, vì sao hành giả trước thấy quả khổ, sau thấy nhân tập?

Đáp: Trước thấy khổ, sau dứt tập là pháp thuận theo.

Hỏi: Làm sao biết khổ là thuận theo dứt tập?

Đáp: Như cây, trước chặt hết nhánh, sau nhổ gốc rễ dễ dàng, như cây sinh tử, trước biết nhánh khổ, sau nhổ rễ tập không khó.

Hỏi: Đạo ở trước, diệt ở sau, vì sao hành giả trước chứng diệt, sau tu đạo?

Đáp: Trước chứng diệt, sau tu đạo, tức là thuận theo. Nếu phải trước tu đạo, sau chứng diệt, thì sẽ không biết được đạo này là đạo gì? Nếu trước chứng diệt, sau tu đạo, thì mới biết đạo này là đạo diệt, như người hỏi người khác, nhờ chỉ cho biết chỗ con đường của mình. Người khác hỏi lại: Ông hỏi con đường đi đến chỗ nào? Đáp: Muốn đến con đường dẫn tới thành. Người khác đáp chính là: Con đường này.

Như người kia lấy thành để bảo người này biết con đường, tức là được thuận theo. Sự chứng diệt tu đạo cũng giống như thế, lấy diệt để bảo cho biết đạo, tức là được thuận theo.

Lại nữa, người tu hành trước dùng đạo để dứt duyên với ngu của ba đế, sau khởi duyên với đạo hiện ở trước, dứt trừ duyên với ngu về đạo. Như người khi nhìn mặt người khác không có ngờ vực, đối với mặt mình thì có nghi ngờ. Nếu dùng gương sáng soi mặt mình, thì tâm nghi ngờ sẽ dứt. Hành giả kia cũng giống như thế.

Lại nữa, duyên với ngu khổ, giữ lấy duyên với ngu tập. Duyên nơi ngu tập giữ lấy duyên với ngu diệt. Duyên nơi ngu diệt giữ lấy duyên với ngu đạo. Không thể không dứt trừ duyên đối với ngu khổ, dứt trừ duyên ngu tập. Không thể không dứt trừ duyên với ngu tập, dứt trừ duyên với ngu diệt. Không thể không dứt bỏ duyên với ngu diệt, dứt trừ duyên với ngu đạo. Như giữ lấy sự sanh tử cũng giống như thế.

Lại nữa, quán quán khổ, quán năng sinh quán tập. Quán quán tập, năng sinh ra quán quán diệt. Quán quán diệt có thể sinh quán quán đạo. Không thể không sinh ra quán quán khổ, cho đến có thể sinh quán quán đạo.

Lại nữa, quán quán khổ là nhân của quán tập, là căn bản, là xuất xứ, là chỗ tạo tác, là duyên, là chỗ khởi. Quán tập là nhân của quán diệt. Quán đẳng diệt v.v... là nhân của quán đạo v.v... Không thể

không sinh quán quán khổ, cho đến sinh quán quán đạo.

Lại nữa, quán quán khổ là phương tiện của quán quán tập, là môn, là chỗ nương dựa, cho đến quán diệt là phương tiện của quán quán đạo, là môn, là chỗ nương. Ngoài ra nói rộng như trên.

Lại nữa, quán quán khổ là chỗ đứng vững, chỗ nương dựa của quán quán tập, cho đến quán quán diệt là chỗ đứng vững, chỗ nương dựa của quán quán đạo. Ngoài ra nói rộng như trên.

Tôn giả Ba-xa nói: Hành giả trước biết năm thủ ấm như ung nhọt, sau tìm kiếm nguyên nhân, biết tập là nhân. Chỗ nào trừ được nhân này? Chỗ diệt trừ được. Ai có thể dứt Diệt trừ? Đạo có thể diệt trừ. Như người với thân thể yếu đuối, sinh ra mụn nhọt, chịu nhiều khổ não, bèn nghĩ rằng: Mụn nhọt ấy do đâu sinh ra? Biết từ gió lạnh, nóng sinhra. Chỗ nào có thể khiến cho không sanh mụn nhọt này? Đó là chỗ không có bệnh. Cái gì có thể dứt trừ chứng nhọt này? Đó là hoặc dùng thuốc thoa, hoặc để cho nhọt nung mủ, hoặc nặn.

Hành giả kia cũng như vậy. Lại nữa, Hành giả biết năm thủ ấm này là lỗi lầm. thế nào là nhân của lỗi lầm kia? Tập là nhân. Chỗ nào có thể dứt trừ? Chỗ diệt có thể dứt trừ. Ai có thể dứt trừ? Đạo có thể dứt trừ.

Như người có đứa con làm cướp, gây ra điều ác, gần bạn xấu. Người ấy nghĩ rằng: Ai khiến con ta làm điều ác như thế? Biết là do gần bạn ác. Ai có thể dứt trừ, chế phục? Biết là bạn lành. Hành giả kia cũng giống như thế.

Khi người kia thấy khổ, trước thấy khổ cõi Dục, sau thấy khổ cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Vì sao hành giả trước thấy khổ cõi Dục, sau thấy khổ cõi Sắc, cõi Vô sắc?

Đáp: Vì thô tế. Khổ cõi Dục thô, khổ cõi Sắc, cõi Vô sắc tế. Hành giả trước thấy khổ thô cõi Dục, sau thấy khổ tế cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu vậy, khổ cõi Sắc thô, khổ cõi Vô sắc tế, vì sao thấy cùng lúc?

Đáp: Vì cùng có hay không đi chung với thân này. Khổ cõi Dục cùng có với thân. Khổ cõi Sắc, cõi Vô sắc dù có thô tế, nhưng vì không đi chung với thân này, nên thấy cùng lúc.

Lại nữa, khổ cõi Dục thuộc về ngã, là cái có của ngã. (Ngã sở) khổ cõi Sắc, cõi Vô sắc không thuộc về ngã, không là cái ngã có. Vì cho nên cùng thấy.

Lại nữa, khổ cõi Dục, là đau khổ ép ngặt, như gánh gánh nặng,

do đó thấy trước khổ cõi Sắc, cõi Vô sắc, chẳng phải đau khổ ép ngặt, không như gánh nặng, nên cùng thấy.

Lại nữa, thống khổ cõi Dục là gần, nên thấy trước, khổ cõi Sắc, cõi Vô sắc là xa, nên đều thấy.

Như gần, xa, đều thấy không đều thấy, thân này, thân người khác, cũng nói giống như thế.

Hỏi: Hành giả đối với khổ cõi Sắc, cõi Vô sắc, có hiện thấy không?

Đáp: Hiện thấy có hai thứ:

1. Hiện thấy lìa dục.
2. Hiện thấy tự thân.

Hành giả đối với khổ cõi Dục có hai thứ hiện thấy: đó là hiện thấy tự thân và hiện thấy lìa dục.

Đối với khổ cõi Sắc, cõi Vô sắc, mặc dù có hiện thấy lìa dục, nhưng không có hiện thấy tự thân. Ví như người khách đi buôn có hai gánh của cải:

1. Tự thân gánh vác.
2. Nhờ người khác gánh vác.

Sự gánh vác đối với tự thân, có hai thứ hiện thấy:

1. Hiện thấy biết của cải.
2. Hiện thấy biết gánh nặng.

Đối với sự gánh vác của người khác, chỉ có một thứ hiện thấy, nghĩa là hiện thấy biết của cải.

Lại nữa, thấy khổ cõi Dục là thiện, bất thiện, vô ký, do đó thấy trước. Khổ cõi Sắc, cõi Vô sắc là thiện, vô ký, cho nên cùng thấy.

Lại nữa, hành giả thành tựu tánh phạm phu cõi Dục, do đó thấy trước, không thành tựu tánh phạm phu cõi Sắc, cõi Vô sắc, cho nên cùng thấy.

Lại nữa, lúc chê bai, trước chê bai không có khổ cõi Dục, vì thế trước sinh niềm tin đối với khổ cõi Dục. Sau chê bai khổ cõi Sắc, cõi Vô sắc, do đó sinh niềm tin sau.

Hỏi: Khi thấy đế là dùng tướng riêng để thấy, hay dùng tướng chung để thấy? Nếu dùng tướng riêng, thì tướng riêng có Vô lượng, thấy đế sẽ không được rốt ráo. Như đất có Vô lượng tướng riêng, nếu chỉ quán tướng riêng của đất, thì chưa quán hết đã chết. Nếu dùng tướng chung, thì sao không gọi là thấy đế cùng lúc? Và tướng riêng của các pháp làm sao biết?

Đáp: Nên nói rằng: Dùng tướng chung để thấy đế.

Hỏi: Nếu vậy thì sao không gọi là thấy đế cùng lúc?

Đáp: Dùng tướng chung, nghĩa là đối với tướng chung của một đế chứ chẳng phải tướng chung của bốn đế, vì là tướng của phần ít.

Phân biệt Vô lượng tướng chung, tướng riêng: Như đất có tướng mạo chung, vì ba đại, nên đất là tướng riêng, tất cả đất đều là tướng cứng chắc, là tướng chung. Bốn đại là sắc ấm. Sắc ấm có tướng chung, tướng riêng. Tướng riêng: Là do bốn ấm. Tướng chung: Tất cả sắc đều là chướng ngại. Năm thủ ấm là Khổ đế. Khổ đế có tướng riêng, tướng chung. Tướng riêng: Do ba đế. Tướng chung: Tất cả khổ, đều là tướng ép ngặt.

Dùng tướng chung như thế để thấy đế, là dùng hành vô thường, khổ, không, vô ngã để thấy đế. Vì dùng khổ đế nên là tướng chung, vì dùng ba đế còn lại nên là tướng riêng. Vì dùng đế nên là tướng riêng, vì dùng ấm là tướng chung.

Lại nữa, một đế chẳng phải bốn đế, bốn đế chẳng phải một đế, vì thế không phải là cùng lúc thấy đế.

Lại nữa, một hành chẳng phải bốn hành, bốn hành chẳng phải một hành, cho nên không là thấy đế cùng lúc.

Lại nữa, do chủ thể nhận biết, chỗ biết phân minh rõ ràng. Căn, nghĩa của căn, đối tượng của cảnh giới, cảnh giới cũng phân minh rõ ràng, nên không thấy đế trong cùng lúc.

Lại nữa, do hữu lậu, vô lậu khác nhau, nên không thấy đế trong cùng lúc.

Lại nữa, do sự khác nhau giữa hữu vi và vô vi, nên không thấy đế cùng lúc.

Lại nữa, khổ đế không thấy cùng lúc, trước thấy khổ cõi Dục, sau thấy khổ cõi Sắc, cõi Vô sắc. Trước thấy nhân các hành cõi Dục, sau thấy nhân các hành cõi Sắc, cõi Vô sắc. Trước thấy các hành cõi Dục, sau thấy các hành diệt cõi Sắc, cõi Vô sắc diệt. Trước thấy đạo đối trị cõi Dục diệt, sau thấy đạo đối trị cõi Sắc, cõi Vô sắc. Cho nên chẳng phải thấy đế cùng lúc.

Thế nào là biết pháp tướng khác nhau?

Đáp: Lúc thấy đế không biết pháp tướng khác nhau. Tất cả tướng khác nhau là chỗ biết của trí nên biết, đều dùng trí tướng chung để biết.

Lại nữa, nếu theo tướng riêng của đế mà không biết. Hoặc duyên với tướng chung của đế mà không biết vì dứt trừ sự vô tri ấy cùng lúc. Cho nên, khi tướng chung kiến đế, thì cũng biết chỗ nhận biết của tướng

riêng.

Kinh Phật nói: Chưa biết khổ Thánh đế, nên biết A-tỳ-đàm nói: Thế nào là pháp sở tri của trí?

Đáp: Tất cả pháp.

Hỏi: Tất cả các pháp là chỗ biết của trí, như A-tỳ-đàm nói, vì sao kinh Phật chỉ nói biết khổ?

Đáp: Kinh Phật nói biết khổ là trí xuất thế gian, thuyết A-tỳ-đàm nói: Biết tất cả pháp là trí của thế gian, xuất thế gian. Cũng thế gian, xuất thế gian, các pháp hữu lậu, vô lậu, bị ràng buộc, giải thoát, lệ thuộc, không lệ thuộc, nên biết cũng giống như thế.

Lại nữa, kinh Phật nói: Biết khổ là trí gần. A-tỳ-đàm nói Biết tất cả pháp là trí gần, trí xa. Như gần, xa, đi chung, không đi chung, nên biết cũng giống như thế.

Lại nữa, vì biết tướng chung, nên Phật nói biết khổ. Vì biết tướng chung, tướng riêng, nên A-tỳ-đàm nói: Biết tất cả pháp. Như biết tướng chung, tướng riêng, hiểu tướng chung, hiểu tướng riêng, quán tướng chung, quán tướng riêng, nên biết cũng giống như vậy.

Lại nữa, kinh Phật nói trí không chung. A-tỳ-đàm nói: Trí chung, không chung.

Lại nữa, kinh Phật nói: Lúc thấy khổ, A-tỳ-đàm nói khi quán hành.

Lại nữa, giải có hai thứ:

1. Giả danh.
2. Thật nghĩa.

Kinh Phật nói: Hiểu biết giả danh về khổ. A-tỳ-đàm nói biết thật nghĩa tất cả pháp.

Hỏi: Thế nào là hiểu giả danh?

Đáp: Hiện thấy khổ là biết quả, hiện thấy tập là biết nhân. Khi chứng diệt là biết diệt. Có hai công đức không ở trong thân: Lúc hành tu đạo, vì dứt trừ tất cả đạo phiền não. Vì hiểu tướng chung như thế v.v..., nên gọi là hiểu giả danh.

Tôn giả Ba-xa nói: Kinh Phật nói: Nên biết khổ hoặc nói là chỉ nên biết khổ, không biết những thứ khác. Cho nên A-tỳ-đàm đã nói như vậy: Nên biết tất cả pháp. Kinh Phật nói nên dứt tập. Hoặc nói chỉ nên dứt tập, chứ không dứt các thứ khác. Cho nên, A-tỳ-đàm nói như vậy: Thế nào là pháp dứt? Là tất cả pháp hữu lậu.

Kinh Phật nói: Nên chứng diệt, hoặc nói chỉ nên chứng diệt, không chứng các pháp khác. Cho nên, A-tỳ-đàm nói như vậy: Chứng pháp là

saos? Đáp: là chứng tất cả pháp thiện.

Kinh Phật nói: Nên tu đạo, hoặc nói chỉ nên tu đạo, không tu các pháp khác. Vì muốn cho việc này quyết định, nên A-tỳ-đàm nói như vậy: Thế nào là pháp tu? Đáp: Pháp thiện hữu vi.

Lại nữa, vì dứt trừ căn bản của sinh tử và đạo, nên kinh Phật nói: Thân kiến chung là gốc của sáu mươi hai kiến, sáu mươi hai kiến là gốc của phiền não, phiền não là gốc của nghiệp, nghiệp là gốc của báo. Vì y báo, nên sinh ra pháp thiện, bất thiện vô ký. Khi biết khổ thì thân kiến dứt, cho nên kinh Phật chỉ nói biết khổ.

Lại nữa, nếu khi biết khổ thì dứt trừ năm ngã kiến, mười lăm ngã sở kiến. Cho nên kinh Phật chỉ nói biết khổ.

Lại nữa, khi biết khổ, dứt hai kiến: Thân kiến, biên kiến, được hai tam-muội là không và vô nguyện. Cho nên, kinh Phật chỉ nói biết khổ. Lại nữa, từ vô thí đến nay chúng sinh đối với ấm, chấp ngã tưởng, nhân tưởng, mạng tưởng. Ai có thể dứt trừ tưởng ác sai lầm, khiến trụ nơi tưởng thiện? Chỉ biết khổ là có thể. Cho nên, kinh Phật chỉ nói biết khổ.

Lại nữa, chúng sinh từ vô thí đến đối với ấm vô thường, vô ngã, không có lạc, không có tịnh này nay chấp có thường, lạc, ngã, tịnh. Ai có thể dứt trừ điên đảo như thế? Chỉ biết khổ là có thể, cho nên kinh Phật chỉ nói biết khổ?

Lại nữa, vì dứt trừ ấm tham đắm ấm, nên chúng sinh từ vô thí đến nay do ấm này mà chịu đau khổ ép ngặt, như gánh gánh nặng. Thọ là khổ rồi, lại theo đuổi, tìm kiếm ấm. Vì đeo đuổi, tìm kiếm ấm, nên lại sinh ra ấm. Giống như đứa trẻ bị mẹ nuôi đánh, lại trở về với mẹ nuôi. Chúng sinh kia cũng giống như thế, đã bị khổ đau ép ngặt, rồi lại trở về với khổ đau. Cho nên kinh Phật chỉ nói biết khổ.

Lại nữa, hành giả khi thấy khổ là khiến cho tâm tà kiến điên đảo, dua nịnh từ vô thí đến nay cùng hành vi ác, phiền não, đều trở nên ngay thẳng. Cho nên, kinh Phật chỉ nói biết khổ.

Lại nữa, nếu khi biết khổ, cũng gọi là dứt khổ, còn khi dứt tập thì không gọi là biết tập. Cho nên, kinh Phật chỉ nói biết khổ.

Lại nữa, lúc hành giả biết khổ mà không trụ nơi tưởng điên đảo, thì không có việc này. Vì phân biệt, nên nói khổ. Hành giả biết khổ, không biết đế khác. Nếu có người hỏi: Ấm này là thường hay vô thường?

Đáp: Là vô thường, vì không dừng trong sát-na.

Là khổ hay vui?

Đáp: Là khổ, như viên sắt nóng.

Là tịnh hay bất tịnh?

Đáp: Bất tịnh, như phân dơ bẩn.

Có ngã hay vô ngã?

Trong đó không có người, không có tác giả, không có thọ giả, chỉ là đồng phân nhơ bẩn của các hành.

Lại nữa, các khổ như ung nhọt, thường tự khốn khổ, như mũi tên cắm vào thân, như dao tự cắt thịt mình, như thuốc độc tự sát, như lửa tự đốt thân, như kẻ thù tự hại mình, như ở cạnh thành phải chịu nhiều tai nạn.

Lại nữa, lúc hành giả thấy khổ, thì đúng là Phật ra đời ở thế gian, như cách vào pháp Phật, được không chướng ngại, lúc thọ hành pháp Phật.

Lại nữa, hành giả thấy khổ, bỏ duyên cũ, được duyên mới, bỏ pháp chung, được pháp không chung, bỏ thế gian, được xuất thế gian.

Lại nữa, khi hành giả thấy khổ, chưa mở cổng đạo vô lậu, nay mở. Chưa từng vất bỏ tánh phàm phu, nay bỏ, không hề được Thánh đạo, nay được.

Lại nữa, hành giả lúc thấy khổ, bỏ danh, được danh, bỏ giới, được giới, bỏ tánh được tánh.

Bỏ danh, được danh: Bỏ tên phàm phu, được tên bậc Thánh.

Bỏ giới, được giới: Bỏ giới phàm phu, được giới bậc Thánh.

Bỏ tánh, được tánh: Bỏ tánh phàm phu, được tánh bậc Thánh.

Lại nữa, khi hành giả thấy khổ, được tâm, không được nhân của tâm, được nghiệp, không được nhân của nghiệp, được sự sáng suốt, không được nhân của sự sáng suốt.

Lại nữa, hành giả khi thấy khổ, được lìa nhóm năm người, vào nhóm tám người. Nhóm năm người: Là người của năm tội nghịch. Nhóm tám người: Là bốn duy bốn quả.

Lại nữa, lúc hành giả thấy khổ, bỏ tánh phàm phu, như hoa trên cây, được trụ nơi tánh Thánh, như then cửa chính.

Lại nữa, lúc hành giả thấy khổ, đầu tiên, được niềm tin không hư hoại đối với pháp.

Lại nữa, khi hành giả thấy khổ, được pháp không có việc này, như nói không có việc này, là người thấy đế đầy đủ, không cố ý sát sinh, không cố ý phạm giới, cho đến nói rộng.

Do những việc như thế, nên kinh Phật chỉ nói biết khổ.

Kinh Phật chỉ nói Tập Thánh đế, nên biết, nên dứt. A-tỳ-đàm nói: Thế nào là pháp dứt? Nghĩa là pháp hữu lậu. Hoặc nói rằng: Là sinh ái



của hữu sau. Tập Thánh đế, thì sinh là nạn, như A-tỳ-đàm nói: Pháp dứt là sao? Là tất cả pháp hữu lậu vì sao kinh Phật chỉ nói sinh ái của hữu sau là Tập đế?

Đáp: Trước đã nói ái, do đó ở đây nên nói rộng.

Nếu nói rằng: Tất cả nhân hữu lậu là Tập đế, thì sinh là nạn. Như khổ cũng nên dứt, vì sao kinh Phật chỉ nói dứt Tập?

Đáp: Vì không sinh khổ, nên Phật nói rằng: Nếu các thầy không muốn khổ thì phải dứt Tập. Nếu ai đã dứt Tập thì khổ không sinh.

Lại nữa, vì không sinh quả, nên Phật nói rằng: Nếu các thầy không muốn quả, thì phải dứt nhân. Nếu đã dứt nhân thì quả không sinh.

Lại nữa, vì muốn dứt trừ khổ, giống như dòng nước nối tiếp nhau, nếu không dứt nguồn nước, thì dòng nước sẽ không dừng. Nếu cắt đứt nguồn nước, thì nước không chảy nữa. Cũng thế, nếu không dứt nguồn khổ, thì dòng khổ sẽ không dứt. Nếu dứt tuyệt cội nguồn khổ, thì dòng khổ sẽ dừng.

Lại nữa, nếu người dứt tập, thì sẽ dứt nhân cùng có, cùng trói buộc, được giải thoát, được giải thoát vô lậu, được dứt trừ nhân cùng khắp của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, nếu dứt nhân thì quả cũng dứt. Nếu nhân diệt thì quả cũng diệt, bỏ nhân, cũng bỏ quả, tống khứ nhân cũng tống khứ quả.

Lại nữa, vì trút bỏ gánh nặng, như thân người gánh gánh nặng đi qua chỗ gian nan, nguy hiểm, bị ép ngặt do gánh nặng này. Người khác nói: Nếu ông bị gánh này ép ngặt, thì nên buông bỏ, nếu buông bỏ gánh nặng, thì tự nó sẽ rơi xuống. Chúng sinh cũng thế. Thân mang gánh ấm treo lên núi hiểm nạn sinh tử, bị gánh ấm này gây ép ngặt. Phật nói rằng: Nếu các thầy không muốn gánh gánh ấm, thì nên dứt tập. Nếu dứt tập thì gánh ấm sẽ rơi tức khắc.

Lại nữa, vì đối với ngoại đạo. Ngoại đạo không muốn quả khổ, mà không dứt bỏ nhân, như con chó ngu, bỏ con người, chạy theo hòn đá. Ngoại đạo cũng thế, không dứt nhân khổ mà không muốn quả khổ. Phật nói rằng: Nếu các thầy không muốn quả khổ, thì phải dứt nhân khổ. Nếu dứt nhân khổ, thì khổ sẽ không sinh.

Lại nữa, trong tập đã có quả thượng, trung, hạ của ba cõi. Đức Phật nói rằng: Nếu các thầy không muốn cầu quả thượng, trung, hạ của ba cõi, thì phải dứt tập. Nếu người nào dứt tập, thì quả thượng, trung, hạ của ba cõi sẽ không còn sinh.

Lại nữa, do Tập có thể sinh ba khổ, ba khổ là khổ cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Phật nói rằng: Các thầy không muốn ba khổ, cần phải

dứt Tập. Nói rộng như trên.

Lại nữa, do Tập có thể sinh ra bốn khổ. Bốn khổ, là bốn sinh.

Phật nói rằng: Nếu các thầy không muốn bốn khổ, nói rộng như trên.

Lại nữa, do Tập có thể sinh ra năm khổ. Năm khổ là năm đường.

Phật nói rằng: Nếu các thầy không muốn năm khổ, nói rộng như trên.

Do các việc như thế v.v..., nên kinh Phật nói: Tập nên biết, nên dứt.

Kinh Phật nói: Thánh đế khổ diệt, nên biết, nên chứng. A-tỳ-đàm nói: Thế nào được pháp tác chứng?

Đáp: Tất cả pháp thiện.

Hỏi: Như A-tỳ-đàm nói: Tất cả pháp thiện nên chứng. Vì sao kinh Phật chỉ nói chứng diệt?

Đáp: Diệt này là giải thoát, cũng là tướng không trói buộc.

Lại nữa, diệt này không có xứ sở, không có chỗ nương dựa.

Lại nữa, diệt này là nhân, không có quả, là quả không có nhân.

Lại nữa, diệt này là nhân, chẳng phải có nhân, là chỗ tạo tác, chẳng phải có chỗ tạo tác, là duyên chẳng phải có duyên, là lia chẳng phải có lia, là quả chẳng phải có quả.

Lại nữa, diệt này có thể khiến cho ấm là không, chẳng phải không có pháp thể.

Lại nữa, diệt này dứt ba, nhiếp bốn, bỏ năm.

Lại nữa, diệt này là một vị, các thứ đạo quả của một vị, tịnh hóa bốn họ, gọi là pháp vô thượng.

Lại nữa, diệt này là vô lậu, đặc là hữu lậu, vô lậu diệt là Phi học Phi Vô học, đặc là Học, Vô học, Phi học Phi Vô học. Diệt là không trói buộc, đặc là trói buộc, không trói buộc. Diệt là không có dứt, đặc là tu đạo dứt, hoặc không dứt. Diệt là thuộc về diệt đế, đặc là thuộc về khổ đế, tập đế, đạo đế.

Lại nữa, diệt này là thiện, là thường. Thiện này đã lia ấm, Thiện này không có thượng, trung, hạ, là không có mé trước, sau.

Lại nữa, diệt này là quả Sa-môn, chẳng phải Sa-môn, là quả Bà-la-môn, chẳng phải Bà-la-môn, là quả phạm hạnh, chẳng phải phạm hạnh, là quả đạo, chẳng phải đạo.

Do những việc như thế, nên kinh Phật nói: Nên chứng diệt. Kinh Phật nói: Thánh đế khổ diệt đạo, nên biết, nên tu.

A-tỳ-đàm nói: Thế nào là pháp tu? Đáp: Tất cả pháp thiện hữu vi.

Hỏi: Như A-tỳ-đàm nói: Tất cả pháp thiện hữu vi đều nên tu, vì

sao kinh Phật chỉ nói tu đạo?

Đáp: Vì đạo nên tu, nên tập.

Lại nữa, do đạo có hai thứ tu:

1. Tu đức.

2. Tu hành.

Đạo thế tục có bốn thứ tu: Tu đức và tu hành, tu đối trị, tu trừ bỏ.

Lại nữa, đạo này lúc tu không dứt trừ duyên ái. Với đạo thế tục, khi tu phải dứt trừ duyên ái.

Lại nữa, đạo này lúc tu, tánh của đạo chỉ hiện bày, không ẩn mất, còn đạo thế tục, khi tu, tánh đạo vừa hiện bày, vừa ẩn giấu, hiện bày đối với cõi Dục, ẩn mất ở Sơ thiên, cho đến hiện bày ở Vô sở hữu xứ, và ẩn mất ở Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Hỏi: Đạo vô lậu cũng vậy, lia dục cõi Dục mà sinh Sơ thiên, cho đến lia dục của Vô sở hữu xứ, sinh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ chẳng?

Đáp: Đạo thế tục đối với xứ kia sinh báo, chẳng phải đạo vô lậu.

Lại nữa, nếu tu đạo này, thì sẽ làm tổn bớt, hủy hoại hữu, còn khi tu đạo thế tục thì sẽ tăng ích, nuôi lớn hữu.

Lại nữa, nếu tu đạo này thì sẽ làm cho hữu bị dứt dứt, nối tiếp, không còn tăng trưởng pháp sinh già bệnh chết. Còn khi tu đạo thế tục thì khiến cho Hữu nối tiếp, tăng trưởng pháp sinh, già, bệnh, chết.

Lại nữa, nếu tu đạo này, là đạo diệt khổ tập, là đạo diệt sự tăng trưởng sinh, già, bệnh, chết. Khi tu đạo thế tục khi tu, là đạo khổ tập, là đạo làm tăng trưởng sinh, già, bệnh, chết.

Lại nữa, lúc tu đạo này không lấy chấp thân làm sở duyên, cho đến không rơi trong khổ đế, tập đế. Còn đạo thế tục thì tuy tu nhưng lấy chấp thân làm sở duyên, cho đến rơi vào trong khổ đế, tập đế.

Lại nữa, khi tu đạo này, không vì giới, cõi sinh, làm nhân tăng trưởng cho pháp sinh tử, còn đạo thế tục tu tuy vì giới, cõi sinh, nhưng làm nhân tăng trưởng cho pháp sinh tử.

Lại nữa, lúc tu đạo này có thể dứt hết sự sanh tử của giới, đường, dứt hết sự tăng trưởng pháp sinh tử. Còn đạo thế tục dù tu nhưng không thể dứt hết sự sanh tử của giới, đường, sự tăng trưởng pháp sinh tử.

Lại nữa, khi tu đạo này là Sa-môn, là quả Sa-môn, là Bà-la-môn, là quả Bà-la-môn, là phạm hạnh, là quả phạm hạnh, là quả hữu.

Do những việc như thế v.v..., nên kinh Phật chỉ nói tu đạo.

Hỏi: Danh của Thánh hạnh có mười sáu thứ, còn tự thể có bao nhiêu thứ?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Danh có mười sáu, thể có bảy. Duyên

với bốn hành khổ, danh có bốn, thể cũng có bốn. Duyên với bốn hành tập, danh có bốn, thể có một. Duyên nơi diệt đạo cũng vậy.

Hỏi: Vì sao duyên với bốn hành khổ, danh có bốn, thể cũng có bốn?

Đáp: Duyên với bốn hành khổ là đối trị gần về điên đảo. Như điên đảo, danh có bốn, thể cũng có bốn. Hành này cũng vậy.

Lời bình: Nên nói như vậy: Về hạnh Thánh, danh có mười sáu, thể có mười sáu. Như danh, thể, số danh, số thể, tướng danh, tướng thể, danh khác, thể khác, phải biết cũng giống như thế.

Hỏi: Thể tánh của hạnh Thánh là gì?

Đáp: Thể tánh là tuệ. Thể của tuệ kia là hành, hành khác. Cũng là hành sở hành nên chúng tương ứng với pháp thể. Không phải là hành, hành khác cũng là hành sở hành nên cùng có pháp thể. Chẳng phải là hành chẳng hành các hành khác, là hành sở hành.

Lại có thuyết nói: Hạnh Thánh là pháp tâm, tâm sở. Nếu nói rằng: Thể tánh của hành Thánh là pháp tâm, tâm sở. Thể tánh của pháp tương ứng là hành, hành các hành khác là sở hành của hành. Pháp thể bất tương ứng là chẳng phải hạnh, là không hành các hạnh khác, làm sở hành của hành.

Lại có thuyết nói: Thể tánh của hạnh Thánh là tất cả pháp. Nếu nói rằng: Thể tánh của hành Thánh là tất cả pháp, thì pháp thể tương ứng là hành, hành các hành khác, hành sở hành. Thể của pháp bất tương ứng là hành, không hành các hành khác, là hành sở hành.

**Lời bình:** Nên nói rằng: Thể tánh của hành Thánh là tuệ như trước đã nói: Đây là thể tánh của hành, cho đến nói rộng.

Đã nói về thể tánh, về lý do nay sẽ nói:

Vì sao gọi là hành vô thường, cho đến gọi là hành của thừa?

Đáp: Do hai việc, nên là vô thường:

1. Do chỗ tạo tác.
2. Thuộc về duyên.

Chỗ tạo tác: Đối tượng được tạo tác của tất cả pháp hữu vi, chỉ một khoảng sát-na. Thuộc về duyên: Đối đãi với nhân duyên mà sinh ra đau khổ ép ngặt, như gánh gánh nặng, là khổ đối với kiến chấp ngã sở, nên là không, vì đối với ngã kiến, nên là vô ngã. Nhân như pháp chủng tử. Tập như pháp xuất hiện, hữu như pháp nối tiếp nhau vì có thể sinh nên là duyên. Như đất sét nhồi lại, nhờ sự tập hợp của bánh xe, nước, sợi chỉ v.v..., nên sinh ra bình. Chủ thể sinh kia cũng giống như thế. Các ấm dứt hết là diệt, vì không có ba tướng, nên là chỉ, vì là thiện, là thường,

nên là diệu, là lia. Lại, vì không có chỗ lia, nên là lia, vì đối lại với tà đạo, nên là đạo, vì đối lại với bất chánh, nên là chánh. Vì có thể tiến đến thành giải thoát nên là dấu vết. Thể tánh là xuất, vì không chìm lặn nên là thừa.

Lại nữa, vì chẳng là phải rốt ráo, nên là vô thường, vì như gánh nặng, nên là khổ. Bên trong không có người, không có tác giả, không có thọ giả, vì không có người nói, cho nên không, vì không tự tại, nên vô ngã, vì sinh nên là nhân, vì xuất hiện nên là tập, vì trôi chảy nên là hữu, vì tạo ra tướng nên là duyên. Vì không nối tiếp, vì đều nối tiếp nên là diệt, vì dập tắt ba thứ lửa, nên là chỉ, vì không có khổ não, nên là diệu, vì không có lỗi lầm, nên là lia, vì có thể trừ bỏ nên là đạo, vì phương tiện tương ứng, nên là chánh. Vì có thể đạt đến chánh nên gọi là dấu vết, vì rốt ráo vượt qua sinh tử, nên là Thừa.

Hỏi: Khi thấy khổ đế là thấy bốn hành khổ, là vô thường, khổ, không, vô ngã, vì sao chỉ nói khổ đế không nói vô thường, không, vô ngã đế?

Đáp: Lẽ ra nói mà không nói, nên biết thuyết này chưa trọn vẹn.

Lại nữa, nếu đã nói khổ đế, nên biết là đã nói vô thường, không, vô ngã đế.

Lại nữa, hành này là hành không chung, chỉ ở trong khổ đế, hành vô thường ở trong ba đế, hành ở trong tất cả pháp không, vô ngã.

Lại nữa, vì hành này trái với hữu, nên có thể dứt bỏ sinh tử. Nếu có thức uống, ăn ngon ngọt, đem cho trẻ nhỏ nói: Thức ăn này đắng, trẻ nghe vậy tâm muốn bỏ, không muốn ăn.

Lại nữa, hành này là chỗ tất cả mọi người đều tin, nghĩa là ngu, trí, nội đạo, ngoại đạo.

Lại nữa, chỗ biết của trí là khéo phân biệt, kinh Phật nói: Khổ trí là nhận biết pháp nào? Đáp: Biết khổ như chỗ nhận biết của trí, chỗ hiểu của hiểu, chỗ hành của hành. Căn, nghĩa của căn, cảnh giới, đối tượng của cảnh giới, nên biết cũng giống như thế.

Lại nữa, hành này là pháp cũ, là câu văn cũ, chư Phật quá khứ nói hành khổ của khổ đế, nay Phật cũng nói hành khổ của khổ đế.

Hỏi: Khi thấy tập đế, thấy bốn hành như tập là nhân tập hữu duyên, vì sao chỉ nói tập đế, không nói nhân hữu duyên đế.

Đáp: Nên nói mà không nói, nên biết thuyết này chưa trọn vẹn. Lại nữa, nếu nói Tập đế, nên biết là đã nói về thân hữu duyên đế.

Lại nữa, chỗ nhận biết của trí là khéo phân biệt, kinh Phật nói: Tập trí là nhận biết pháp nào?

Đáp: Vì biết tập như chỗ nhận biết của trí, cho đến cảnh giới của đối tượng cảnh giới, cũng nói giống như thế.

Lại nữa, hành này là pháp cũ, là câu văn cũ, Chư Phật quá khứ đã nói tập hành tập đế, nay Đức Phật cũng nói Tập đế tập hành.

Hỏi: Khi kiến diệt, thấy bốn hành diệt: Diệt, chỉ, diệu, ly. Vì sao chỉ nói Diệt đế, không nói: Chỉ, diệu, ly đế?

Đáp: Đáng lẽ phải nói mà không nói, nên biết thuyết này chưa trọn. Phần còn lại như trong phần Tập đế nói.

Đạo đế theo nghĩa cũng nói giống như thế.

Diệt đế gọi là Niết-bàn, tên không giống nhau, danh chẳng phải phẩm, gọi là Vô sắc, gọi là Đệ nhất, gọi là quả Thắng trí, gọi là A-la-hán, không nên gần, không nên tu, gọi là có thể thọ, gọi là gần, gọi là diệu, gọi là lìa, giải thích rộng, như Kiền-độ Tập.

Phật dùng Thánh ngữ vì bốn Thiên vương nói bốn đế, hai hiểu rõ, hai không hiểu rõ, Phật thương xót muốn làm lợi ích nên lại dùng ngữ Đà-tỳ-la để nói bốn đế: Y di, Di nữ, Đạp bị, Đà đạp bị. Hai không hiểu là:

1. Hiểu.

2. Không hiểu.

Vì xót thương, muốn làm ích lợi, nên Đức Thế tôn đã dùng ngữ Di-lê-xa để nói bốn đế: Ma-xa-đâu-xa, Tăng-xa-ma, Tát-bà-đa, Tỳ-la-trí, đó gọi là bên khổ, cả bốn đều được hiểu.

Hỏi: Phật có thể dùng ngữ Thánh vì bốn Thiên vương nói bốn đế, khiến họ có thể hiểu không? Nếu có thể thì vì sao không khiến cho họ hiểu, nếu không thể, làm sao hiểu như kệ đã nói làm sao hiểu? Như kệ nói:

*Phật dùng một âm nói pháp  
Mà hiện ngàn ấy các thứ nghĩa  
Chúng sinh đều cho riêng vì mình  
Giảng các pháp, không vì người khác.*

Một âm là Phạm âm. Hiện các thứ nghĩa: Tức nếu trong hội có người Chân-đan, thì cho rằng Phật dùng ngữ Chân-đan vì mình nói pháp. Nếu có người Thích ca, người Dạ ma na, người Tha-la-đà, người Ma-la-bà người Khư-sa, người Đâu-khư-la. Những người như thế ở trong hội, đều nghĩ: Phật dùng ngôn ngữ của mình, riêng vì mình mà nói pháp. Nếu là người nặng về tham dục, thì Phật sẽ vì mình nói bất tịnh. Người nặng về giận dữ, Phật sẽ vì mình nói tâm từ. Kẻ nặng về ngu si, Phật sẽ vì mình nói pháp duyên khởi. Chúng sinh đều cho Phật vì mình mà

nói.

Các pháp không vì người khác: Bây giờ, trong chúng hội đều cho rằng, Phật vì mình nói pháp, không vì người khác.

Đáp: Nên nói rằng: Phật đều có thể.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao không khiến người khác hiểu?

Đáp: Vì làm đầy đủ tâm nhớ lại của các Thiên vương. Hai vị Thiên vương nghĩ rằng: Nếu Phật vì ta dùng Thánh ngữ nói bốn đế, thì ta có thể hiểu. Một Thiên vương nghĩ rằng: Nếu Phật dùng ngôn ngữ Tỳ-la nói bốn đế, thì ta có thể hiểu. Một vị Thiên vương nghĩ rằng: Nếu Phật dùng ngôn ngữ Di-lê-xa nói bốn đế, thì ta có thể hiểu.

Như ý nghĩ của họ, nên Phật vì họ nói pháp.

Lại nữa, vì muốn hiện biết âm thanh, ngôn ngữ của chúng sinh, nên hoặc nói Như lai chỉ có thể nói Thánh ngữ, không thể nói ngôn ngữ khác. Vì muốn cho tâm ngở vực như thế được quyết định nên nói như thế.

Lại nữa, người được Phật hóa độ, hoặc đối với Như lai không biến đổi hình dạng, lời nói mà được Phật hóa độ. Hoặc thay đổi hình dạng, lời nói, đối với Như lai, mà được Phật hóa độ. Nếu không biến đổi hình dạng, lời nói thì có thể được Phật hóa độ. Nếu đã biến đổi hình, lời nói, mà được Phật hóa độ thì không thể hiểu.

Nghe nói Đức Phật ở nước Ma-già-đà, vì Tôn giả Phất Ca-La-Bà- La nên đã đi bộ, suốt mười hai do-tuần, làm cho mười vạn chúng sinh đều được thấy đế, đều do không biến đổi hình dạng, ngôn ngữ. Nếu biến đổi hình dạng, ngôn ngữ, thì các chúng sinh kia sẽ không thể thấy đế. Nếu chúng sinh nên thấy Như lai biến hiện hình dạng, ngôn ngữ, mà được hóa độ, mà nếu không biến đổi hình dạng, ngôn ngữ, thì sẽ không được Phật hóa độ.

Lại có thuyết nói: Không thể. Vì chẳng phải cảnh giới của Thế tôn, không thể tạo ra cảnh giới, Phật dù được tự tại, nhưng không thể dùng tai để thấy sắc, dùng mắt để nghe tiếng.

Hỏi: Nếu vậy thì làm sao hiểu được nghĩa kệ?

Đáp: Đây là lời khen ngợi Như lai, lời khen thái quá. Như Tỳ-bà Xà-bà-đề nói rằng: Như lai thường định, vì khéo an trụ trong niệm, tuệ, Như lai không ngủ, vì đã lìa các cái.

Cũng thế, đều là lời khen ngợi Như lai hết sức tốt đẹp.

Lại nữa, tiếng nói của Như lai, có thể cùng khắp tất cả cảnh giới, như điều chúng sinh kia đã nghĩ đều có thể nói. Ngôn ngữ nước Tần của Như lai hơn hẳn người sinh trong nước Tần. Nếu Như lai nói tiếng Di-

lê-xa, thì sẽ hơn hẳn người sinh trong Di-lê-xa.

Lại nữa, ngôn ngữ của Như lai hồi chuyển nhanh chóng. Nếu nói ngôn ngữ nước Tần, kể nói ngôn ngữ của Thích Ca, vì hồi chuyển nhanh chóng, nên người nghe cho là cùng lúc.

Kinh Phật nói: Các Tỳ-kheo! Khổ Thánh đế này, các thầy đã nghe nói nói đến từ người khác đối với pháp hỷ tư duy, chánh quán, sinh trí nhãn, giác ngộ sáng suốt. Các Tỳ-kheo! Khổ Thánh đế này, ta cần phải biết! Các thầy đã nghe nói từ người khác. Nói rộng như trên.

Các Tỳ-kheo! Khổ Thánh đế này, ta đã biết, đã nghe nói từ người khác. Nói rộng như trên. Tập diệt đạo cũng nói giống như thế.

Các Tỳ-kheo! Khổ Thánh đế này, các thầy đã nghe nói từ người khác. Nói rộng như trên là nói về vị tri dục tri căn.

Các Tỳ-kheo! Khổ Thánh đế này, ta cần phải biết! Các thầy đã nghe nói từ người khác, nói rộng như trên là nói về tri căn.

Các Tỳ-kheo! Khổ Thánh đế này ta đã biết, đã nghe nói từ người khác, nói rộng như trên là nói về tri dĩ căn. Cũng thế mỗi đế khác, ba lần chuyển sinh ra ba căn cũng vậy.

Tôn giả Đạt-ma-đa-la nói rằng: Ta tư duy về pháp đã nói này, mà khắp mình nổi ốc, nghĩa Như lai đã nói không có trái nhau, không mất thứ lớp. Nay thuyết đã nói ở đây mất thứ lớp. Vì sao? Vì trong thuyết này trước nói tri dĩ căn, sau nói Vị tri dục tri căn. Pháp quán như thế chẳng phải đối tượng quán của Phật, Bích-chi Phật, Thanh văn. Vì sao? Vì trước không có Tri dĩ căn, sau khởi Vị tri dục tri căn hiện ở trước. Nghĩa là nếu muốn bỏ những lời đã nói này thì không thể. Vì sao? Vì đây là những lời đầu tiên của Như lai, đã có năm Tỳ-kheo, tám vạn chư Thiên làm chứng. Nếu muốn không bỏ những lời đã nói này, thì sẽ mất thứ lớp. Tôn giả kia dù có ý nghĩ ấy, nhưng không bỏ thuyết này, chỉ sửa cho đúng văn của Tôn giả, dứt Kinh ấy nên nói rằng: Các Tỳ-kheo! Khổ Thánh đế này, các thầy đã nghe nói từ người khác, đối với pháp tư duy chánh quán, sinh trí nhãn hiểu biết sáng suốt, là tập Thánh đế, là diệt Thánh đế, là đạo Thánh đế (nói rộng như trên).

Các Tỳ-kheo! Khổ Thánh đế này, ta cần phải biết, khổ đế, tập đế này, ta cần phải dứt. Khổ diệt đế này ta cần phải chứng. Khổ diệt đạo đế này, ta cần phải tu (nói rộng như trên).

Các Tỳ-kheo! Khổ Thánh đế này ta đã biết, khổ đế, tập đế này ta đã dứt. Khổ diệt đế này ta đã chứng khổ diệt đạo đế này ta đã tu (nói rộng như trên).

Nếu nói như thế, thì không mất thứ lớp. Lúc thuận theo kiến đế,



người A-tỳ-đàm nói như thế này: Văn kinh không nên sửa lại. Vì sao? Vì các đại Luận sư ở quá khứ với trí tuệ sáng suốt, căn cơ nhạy bén còn không dính chánh văn kinh, huống chi Tôn giả Đạt-ma-đa-la với căn cơ nhạy bén và trí tuệ không bằng người trước.

Hỏi: Nếu vậy thì thuyết đã nói ở đây há không trái với thứ lớp hay sao?

Đáp: Có hai thứ thuận theo:

1. Tùy thuận theo điều đã nói.
2. Tùy thuận nơi kiến đế.

Do thuận theo điều đã nói, nên Đức Thế tôn nói rằng: Vì thuận theo thấy đế.

Tôn giả Đạt-ma-đa-la nói như thế này: Tôn giả Ba-xa nói: Ở đây không nói vị trí dục tri căn, tri dĩ căn. Ở đây nói: Do văn tuệ, tư tuệ nơi cõi Dục của Bồ-tát, lúc Bồ-tát ngồi dưới cội cây Bồ-đề đã lập ra phương tiện hành quán như thế.

Hỏi: Nếu vậy thì với thuyết này làm sao hiểu được? Như nói: Các Tỳ-kheo, bấy giờ, ta đã chứng được đạo quả Chánh đẳng chánh giác vô thượng. Vậy có phải Như lai đã do văn tuệ, tư tuệ ở cõi Dục mà đạt được Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng?

Đáp: Xưa khi còn làm Bồ-tát, Như lai đã lập ra phương tiện quán hành như thế, đã dùng văn tuệ, tư tuệ ở cõi Dục để quán các pháp, phát sinh trí tuệ sáng suốt, loại trừ nghĩa ngu tối, chắc chắn được đạo quả Chánh đẳng chánh giác vô thượng. Như người trước dùng da sống che mặt, sau đó vứt bỏ đi, dùng lá Sa-la che lấp mặt, nó chỉ gây chướng ngại cho mặt rất ít ỏi, vi tế. Bồ-tát kia cũng giống như thế.

Các Tỳ-kheo! Ta đã ba lần chuyển mười hai hành của bốn đế, phát sinh trí nhãn được hiểu biết sáng suốt.

Hỏi: Với ba lần chuyển mười hai hành của bốn đế như vậy, lẽ ra phải có bốn mươi tám hành, vì sao chỉ nói ba lần chuyển mười hai hành của bốn đế?

Đáp: Đây là ba lần nói pháp mười hai hành, không quá mười hai. Phần còn lại nói rộng như Tạp kền độ.

Hỏi: Bốn Thánh đế này, nếu là thể dứt, cũng là duyên với dứt phải không?

Đáp: Hoặc là thể dứt, chẳng phải duyên với dứt. Hoặc là duyên với dứt, chẳng phải thể dứt, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Thể dứt, chẳng phải duyên với dứt: Là khổ đế, tập đế duyên vô lậu pháp không có duyên.

2. Duyên dứt, chẳng phải thể dứt: Là đạo đế duyên với pháp hữu lậu.

3. Thể dứt, duyên dứt: Là khổ đế, tập đế duyên với pháp hữu lậu.

4. Không phải là thể dứt, chẳng phải duyên dứt: Là Đạo đế duyên với pháp vô lậu, vô duyên với tất cả diệt đế.

Bốn thiền là Sơ thiền, đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì muốn cho người hoài nghi được quyết định. Thuyết của Phái Ba-già-la-na nói: Thế nào là Sơ thiền? Đáp: Năm ấm thiện thuộc về Sơ thiền, cho đến thế nào là đệ Tứ thiền?

Đáp: Năm ấm thiện thuộc về bốn thiền, trong thiền đó, nói là thiền thiện, không nói nhiễm ô vô ký không ẩn một. Hoặc nói thiền chỉ là thiện, chẳng phải nhiễm ô vô ký không ẩn một.

Nay vì muốn quyết định nói thiền là thiện, nhiễm ô, vô ký không ẩn một, nên soạn luận này. Bốn thiền là: Sơ thiền cho đến đệ Tứ thiền.

Hỏi: Vì sao gọi là Thiên? Vì dứt trừ kiết, nên gọi là Thiên, hay vì chánh quán nên gọi là Thiên? Nếu do dứt trừ kiết nên gọi là Thiên, thì trong cõi Vô sắc cũng có định có thể dứt trừ kiết, lẽ ra cũng gọi là Thiên? Nếu do chánh quán nên gọi là thiên thì trong cõi Dục cũng có định có thể chánh quán, cũng nên gọi là Thiên

Đáp: Nên nói rằng: Vì dứt trừ kiết, nên gọi là Thiên.

Hỏi: Nếu vậy thì trong cõi Vô sắc cũng có định có thể dứt trừ kiết, lẽ ra nên gọi là Thiên?

Đáp: Nếu định có thể dứt trừ kiết bất thiện, vô ký thì là thiên. Định Vô sắc dù có thể dứt trừ kiết vô ký, nhưng vì không thể dứt trừ kiết bất thiện, nên không gọi là thiên.

Hỏi: Nếu nói như thế, thì chỉ nương Vị chí là thiên. Vì sao? Vì có thể dứt trừ kiết bất thiện, vô ký?

Đáp: Ở đây nói đối trị lỗi lầm. Đối trị có hai thứ: Đối trị lỗi lầm và đối trị dứt trừ Địa trên dù không có đối trị dứt trừ kiết bất thiện, nhưng vẫn có đối trị lỗi lầm.

Hỏi: Nếu nói rằng: Địa trên diệt pháp trí, đạo pháp trí, tất cả tỷ trí, thì không gọi là thiên. Vì sao? Vì đối với kiết cõi Dục, không thể tạo ra đối trị dứt trừ, đối trị lỗi lầm?

Đáp: Mặc dù chẳng phải hoàn toàn giới, hoàn toàn địa, nhưng trong giới đó địa đó có khả năng tạo ra đối trị lỗi lầm cho kiết cõi Dục, vì có thể, nếu không thể cũng được gọi là thiên.

Lại nữa, trong thiên, ngăn chặn phần ít, có phần ít cùng với kiết côi Dục tạo sự đối trị dứt trừ và đối trị lỗi lầm ở côi Vô sắc thấy đều ngăn dứt, cho đến không một sát-na cùng với kiết côi Dục tạo ra sự đối trị dứt trừ và đối trị lỗi lầm.

Tôn giả Cù-sa nói: Sáu địa này hoàn toàn có thể cùng với kiết côi Dục tạo ra sự đối trị dứt trừ và đối trị lỗi lầm. Do thiên Vị chí mới xuất hiện nên dứt trừ kiết côi Dục, các thiên khác thì không dứt, vì thiên Vị chí đã dứt. Như sự sáng suốt mặt trời lúc mới mọc, giữa ngày và buổi chiều, hoàn toàn trái với bóng tối. Nhưng lúc mặt trời mới mọc thì có thể xua tan bóng tối ban đêm. Vào giữa và xế chiều, tuy trái với bóng tối, nhưng không xua tan bóng tối, do lúc mặt trời mới mọc đã xua tan.

Cũng như sáu người cùng có một kẻ thù, bàn với nhau: Chúng ta nếu người nào gặp kẻ thù trước, thì giết ngay hắn ta. Trong sáu người này, có một người gặp được kẻ thù và giết kẻ ấy, năm người còn lại tuy đối với kẻ kia đều là kẻ thù cả, nhưng không giết, vì người kia đã giết rồi. Như người mang sáu cây đèn xoay vần đi vào ngôi nhà tối. Mang cây đèn thứ nhất để xua tan được bóng tối trong ngôi nhà ấy, năm ngọn đèn còn lại, tuy trái với bóng tối, nhưng không xua tan bóng tối, vì ngọn đèn thứ nhất đã xua tan rồi. Cũng vậy, trong sáu địa, tuy cùng với kiết côi Dục tạo sự đối trị dứt trừ, đối trị lỗi lầm, nhưng do thiên Vị chí lúc mới sinh đã dứt trừ kiết côi Dục, nên các địa còn lại không dứt, vì thiên Vị chí trước đã dứt rồi. Nếu sáu địa tạo ra sự đối trị dứt trừ kiết côi Dục, thì dựa vào thiên căn bản, lúc đạt được quyết định đúng đắn, biết nơi côi Dục do kiến đạo dứt trừ, tức không có sai khác, cũng không nên chứng đắc giải thoát. Do dựa vào thiên căn bản đạt được quyết định đúng đắn, nên đối với phiền não do kiến đạo côi Dục dứt trừ có chừng hạn chứng đắc giải thoát. Vì việc ấy nên biết, sáu địa hoàn toàn có sự đối trị dứt trừ và đối trị lỗi lầm đối với phiền não côi Dục.

Lại nữa, nếu định dứt trừ rốt ráo kiết do kiến đạo tu đạo dứt trừ thì gọi là thiên. Định Vô sắc tuy dứt trừ rốt ráo kiết do tu đạo dứt, nhưng không dứt trừ kiết do kiến đạo dứt.

Lại nữa, nếu định có thể dứt trừ kiết duyên khắp thì gọi là thiên.

Định Vô sắc tuy có thể dứt trừ kiết, nhưng không thể duyên khắp định côi Dục, hoặc tuy có thể duyên khắp nhưng không thể dứt trừ kiết. Thiên định có thể duyên khắp cũng có thể dứt trừ kiết.

Lại nữa, nếu định và năm ấm cùng sinh khởi tạo sự nương dựa thì gọi là thiên. Định Vô sắc chỉ cùng với bốn ấm cùng sinh khởi, tạo sự nương dựa, nên không gọi là thiên

Lại nữa, nếu định có bốn chi, năm chi, thì gọi là thiền. Định Vô sắc không có bốn chi, năm chi, nên không gọi là thiền.

Lại nữa, nếu có xứ vui thích đạo thì gọi là thiền. Định Vô sắc không có vui thích đạo nên không gọi là thiền.

Lại nữa, nếu định có thể cùng với đạo tạo sự nương dựa, thì gọi là thiền. Định Vô sắc không thể cùng với đạo tạo sự nương dựa, nên không gọi là thiền.

Lại nữa, nếu định có ba thứ thị hiện thì gọi là thiền: Định Vô sắc vì không có ba thứ thị hiện, nên không được gọi là thiền.

Lại nữa, nếu định có ba căn vô lậu thì gọi là thiền, định Vô sắc vì không đủ ba căn vô lậu, nên không gọi là thiền. Ba đạo cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu có xứ của hai đạo thì gọi là thiền. Hai đạo là: Kiến đạo và tu đạo. Nhân đạo trí đạo, pháp đạo trí tỷ đạo trí. Vì trong Vô sắc không thấy đạo, nhân đạo, pháp đạo trí, nên không gọi là thiền.

Lại nữa, có thuyết nói: Do chánh quán nên gọi là thiền.

Hỏi: Nếu vậy, cõi Dục cũng có chánh quán, lẽ ra gọi là thiền?

Đáp: Nếu định có thể chánh quán, cũng có thể dứt trừ kiết, thì được gọi là thiền. Mặc dù định cõi Dục có thể chánh quán, nhưng không thể dứt trừ kiết, nên không gọi là thiền.

Lại nữa, nếu định bền chắc nối tiếp nhau, trụ lâu, ý ra vào không xả thì gọi là thiền. Vì định cõi Dục trái với định này, nên không gọi là thiền.

Lại nữa, nếu có tên định, cũng có công dụng của định, thì gọi là thiền. Định ở cõi Dục tuy có tên định, nhưng không có công dụng của định, giống như đòn tay đắp bằng đất có tên đòn tay, nhưng không có công dụng của đòn tay. Thiền định vừa như đòn tay gỗ, vừa có tên đòn tay, cũng có công dụng của đòn tay.

Lại nữa, nếu định không bị lay động do gió thổi nhiễu loạn, thì gọi là thiền. Còn định cõi Dục thì bị gió nhiễu loạn làm lay động, nên không gọi là thiền. Giống như ngọn đèn đặt ở ngã tư đường, bị gió thổi lay động. Vì thiền định không bị lay động do gió thổi nhiễu loạn, nên gọi là thiền. Cũng như ngọn đèn trong nhà không bị gió thổi làm lay động. Định kia cũng giống như thế.

Thiền có mười tám chi: Sơ thiền có năm chi là: Giác, quán, hỷ, lạc, nhất tâm. Đệ Nhị thiền có bốn chi là nội: Tín, hỷ, lạc, nhất tâm. Đệ Tam thiền có năm chi: Xả, niệm, tuệ, lạc, nhất tâm. Đệ Tứ thiền có bốn chi: Không khổ không vui, xả niệm, nhất tâm.

Hỏi: Danh của chi thiên có mười tám, thể có bao nhiêu.

Đáp: Danh có mười tám, thể mười một. Sơ thiên có năm chi: Danh có năm, thể cũng có năm. Đệ Nhị thiên thêm một chi, đó là nội tín. Đệ Tam thiên thêm bốn chi: Xả niệm, tuệ, lạc. Đệ Tứ thiên thêm một chi, đó là không khổ, không vui. Cho nên chi thiên, danh có mười tám, thể có mười một.

Lại có thuyết nói: Chi thiên danh có mười tám, thể có mười. Vì sao? Vì lạc của Sơ thiên, đệ Nhị thiên, đệ Tam thiên, đều cùng là một chi lạc.

Không nên nói như thế. Vì sao? Vì lạc của Sơ thiên khác với lạc của đệ Nhị thiên, khác với lạc của đệ Tam thiên. Lạc của Sơ thiên, đệ Nhị thiên là lạc khinh an. Lạc của đệ Tam thiên là thọ lạc. Lạc của Sơ thiên, đệ Nhị thiên, là thuộc về hành ấm. Lạc đệ Tam thiên thuộc về thọ ấm. Cho nên, như trước nói là tốt. Như danh thể, số danh, số thể, cho đến biết danh, biết thể, cũng nói giống như thế.

Hỏi: Pháp nào là thiên, Pháp nào gọi là chi?

Đáp: Nhất tâm là thiên, phần khác là chi.

Hỏi: Nếu vậy, Sơ thiên, đệ Tam thiên có bốn chi, đệ Nhị thiên, đệ Tứ thiên có ba chi?

Đáp: Nhất tâm là thiên cũng là chi thiên, các thứ khác là chi, chẳng phải thiên, như chánh kiến là chi đạo các pháp còn lại là chi chẳng phải thiên, như chánh kiến là đạo, là chi đạo, các pháp khác là chi đạo. Như Trạch pháp giác là giác, là chi giác, phần còn lại là chi giác. Không ăn phi thời là trai, là chi trai, phần còn lại là chi trai.

Cũng thế, nhất tâm là thiên, cũng là chi thiên. Đây là thể tánh của chi thiên, cho đến nói rộng.

Đã nói về thể tánh của chi thiên. Về lý do nay sẽ nói:

Vì sao gọi là chi? Chi là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa thuận theo là nghĩa chi: Nghĩa cùng gánh vác là nghĩa chi. Nghĩa trở nên việc lớn là nghĩa chi. Nghĩa bền chắc, hơn hết là ng- hĩa chi, nghĩa khác biệt là nghĩa chi.

Nghĩa thuận theo là nghĩa chi: Nếu pháp thuận theo ở địa kia, nên lập chi. Điều gánh vác trở thành việc lớn, bền chắc, thù thắng cũng giống như thế.

Nghĩa khác biệt là nghĩa chi: như quân khác nhau, gọi là chi quân, như xe khác biệt, gọi là chi xa. Cũng thế, vì thiên khác biệt, nên gọi là chi thiên.

Cho nên, nghĩa thuận theo là nghĩa chi, cho đến nói rộng.

Hỏi: Nếu là chi Sơ thiền cũng là chi của Nhị thiền?

Đáp: Hoặc là chi Sơ thiền, chẳng phải chi của Nhị thiền, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Chi Sơ thiền chẳng phải chi Nhị thiền: Là giác quán.
2. Chi đệ Nhị thiền, chẳng phải chi Sơ thiền: Là đức tin bên trong.
3. Chi Sơ thiền, chi đệ Nhị thiền: Hỷ, Lạc nhất tâm.
4. Không phải chi Sơ thiền, chẳng phải chi đệ Nhị thiền: Trừ ngần ấy việc trên.

Nếu là chi Sơ thiền, cũng là chi đệ Tam thiền? Cho đến nói rộng nơi bốn trường hợp:

1. Chi Sơ thiền, chẳng phải chi đệ Tam thiền: Giác, quán, hỷ, lạc.
2. Chi đệ Tam thiền, chẳng phải chi Sơ thiền: Xả, niệm, tuệ, lạc.
3. Chi Sơ thiền, là chi đệ Tam thiền: Là nhất tâm.
4. Chẳng phải là chi Sơ thiền, cũng chẳng phải chi đệ Tam thiền: trừ ngần ấy việc trên.

Nếu là chi Sơ thiền, cũng là chi đệ Tứ thiền, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Chi Sơ thiền, chẳng phải chi đệ Tứ thiền: là giác, quán, hỷ, lạc.
2. Chi đệ Tứ thiền, chẳng phải chi Sơ thiền: Không khổ, không vui, xả niệm.
3. Là Chi Sơ thiền, cũng là chi đệ Tứ thiền: Nhất tâm.
4. Chẳng phải là chi Sơ thiền, chẳng phải chi đệ Tứ thiền: Trừ ngần ấy việc trên.

Là chi đệ Nhị thiền, cũng là chi đệ Tam thiền, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Chi đệ Nhị thiền chẳng phải chi đệ Tam thiền: Tín bên trong, hỷ lạc.
2. Chi đệ Tam thiền chẳng phải chi đệ Nhị thiền: Xả niệm, tuệ lạc.
3. Chi đệ Nhị thiền, cũng là chi đệ Tam thiền: Là nhất tâm.
4. Không phải là chi đệ Nhị thiền, cũng chẳng phải chi đệ Tam thiền: Trừ ngần ấy việc trên.

Cho đến bốn trường hợp của đệ Tam thiền, trải qua đệ Tứ thiền, nên tùy tướng mà nói.

Hỏi: Như khinh an, xả có trong tất cả địa, vì sao Sơ thiền, đệ Nhị

thiền lập khinh an, không lập xả? Đệ tam, đệ Tứ thiền lập xả, không lập khinh an?

Đáp: Trước nói rằng: Nghĩa thuận theo là nghĩa chi. Nếu pháp thuận theo ở địa kia thì lập chi. Vì khinh an thuận theo nơi Sơ thiền, đệ Nhị thiền, nên lập chi. Vì xả thuận theo nơi đệ tam, đệ Tứ thiền, nên lập chi.

Lại nữa, vì thế dụng thù thắng, lại che lấp lẫn nhau. Cũng thế dụng của khinh an thù thắng nơi Sơ thiền, đệ Nhị thiền nên che lấp xả. Vì thế dụng của xả thù thắng nơi đệ tam, đệ Tứ thiền, nên che lấp khinh an.

Hỏi: Hai pháp này lại che lấp lẫn nhau là thế nào?

Đáp: Vì chỗ hành trái nhau. Như một người cùng lúc vừa đi, vừa đứng, vừa ngủ, vừa thức, hoàn toàn trái nhau. Hai pháp kia cũng giống như thế.

Lại nữa, đối trị năm thức cõi Dục và vì thân thô, nên Sơ thiền lập khinh an làm chi. Đối trị ba thức của Sơ thiền và vì thân thô, nên đệ Nhị thiền lập khinh an làm chi. Vì đệ Nhị thiền không có thân thô, nên đệ Tam thiền không lập khinh an làm chi. Vì đệ Tam thiền không có thân thô, nên đệ Tứ thiền không lập khinh an làm chi.

Lại nữa, do Sơ thiền, đệ Nhị thiền có hỷ nhiễm ô.

Do việc ấy, nên Phật nói rằng: Nên khinh an, không nên xả. Vì thế Sơ thiền, đệ Nhị thiền lập khinh an làm chi. Đệ tam, đệ Tứ thiền không có hỷ nhiễm ô, cho nên các hạnh Thánh đều xả.

Lại nữa, do khinh an của Sơ thiền, Nhị thiền, lúc sinh sở duyên của hữu. Như nói: Nếu khi tâm vui mừng, thì thân cảm thấy khinh an. Khinh an của đệ tam, đệ Tứ thiền, lúc sinh không có sở duyên. Cho nên các hạnh Thánh đều xả.

Hỏi: Tin bên trong, tất cả địa đều có, vì sao địa thiền thứ hai lập chi, chẳng phải Sơ thiền?

Đáp: Trước nói rằng: Nghĩa thuận theo là nghĩa chi. Nếu pháp thuận theo ở địa kia thì lập chi. Tín nội vì thuận theo ở địa thiền thứ hai, nên lập chi.

Lại nữa, giác quán của Sơ thiền như lửa, thân thức như bùn nhơ làm cho tâm bị khuấy động, vẫn đục. Niềm tin không sáng sủa, như trong vũng bùn nhơ, nóng, nên hình tượng không hiện. Đệ Nhị thiền không có lửa giác quán, bùn nhơ, thân thức, nên niềm tin sáng sủa. Như nước trong, mát, tất nhiên hình tượng sẽ ảnh hiện. Niềm tin của đệ Nhị thiền kia cũng giống như thế.

Lại nữa, hành giả trụ đệ Nhị thiền, đã lìa dục ở giới, lìa dục ở địa, sinh lòng tin rộng lớn. Hành giả đã lìa dục cõi Dục bất định, khởi Sơ thiền hiện ở trước, nghĩ rằng: Ta đã lìa được cõi Dục bất định, chẳng biết Dục cõi định là có thể lìa hay không? Về sau, sẽ lìa dục Sơ thiền, khởi Nhị thiền hiện ra ở trước. Bây giờ, đã lìa dục ở giới, lìa dục ở địa, sinh lòng tin rộng lớn. Như dục của địa Sơ thiền có thể lìa, nên biết tất cả địa, cho đến dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ đều có thể lìa.

Vì việc này nên tín của Nhị thiền lập chi, Sơ thiền không lập.

Hỏi: Niệm, tuệ có trong tất cả địa, vì sao địa thiền thứ ba được lập chi, chẳng phải địa khác?

Đáp: Trước nói rằng: Nghĩa thuận theo là nghĩa chi. Nếu pháp thuận theo ở địa thiền kia thì lập chi, vì niệm, tuệ thuận theo nơi đệ Tam thiền nên lập chi.

Lại nữa, đạo của đệ Tam thiền, thường có các trở ngại. Địa mình cũng có trở ngại, địa khác cũng có trở ngại. Đạo địa khác có nhiều các trở ngại, nghĩa là hỷ của đệ Nhị thiền nổi, chìm, nhẹ nhàng, vội vã, giống như La-sát, khiến hành giả khi lìa dục đệ Tam thiền, sinh ra các suy yếu lui sụt. Vì đối với việc này, nên đệ Tam thiền lập Niệm làm chi. Cho nên Phật nói: Các thầy nên chánh niệm, chớ để cho Hỷ của đệ Nhị thiền làm nổi chìm.

Trở ngại của địa mình, nghĩa là lạc thọ của đệ Tam thiền là tất cả lạc hơn hết trong sinh tử, làm cho hành giả ưa đắm, không thể lìa dục của địa trên.

Do việc ấy, nên tuệ của đệ Tam thiền lập chi. Vì thế nên Phật nói rằng: Các thầy đối với lạc ấy, chớ sinh tham đắm, không cầu pháp lìa dục của địa trên.

Hỏi: Niệm, tuệ có trong tất cả địa, vì sao địa thiền thứ tư lại lập niệm làm chi, không lập tuệ làm chi?

Đáp: Trước, nói rằng: Nghĩa thuận theo là nghĩa chi. Nếu pháp thuận theo ở địa thiền kia thì lập chi, thì niệm vì thuận theo nơi đệ Tứ thiền nên lập chi, vì tuệ không thuận theo, nên không lập chi.

Lại nữa, đạo của đệ Tứ thiền có nhiều các trở ngại. Địa khác có trở ngại. Địa của mình không có trở ngại: Lạc thọ của địa đệ Tam thiền là hơn hết trong tất cả sinh tử. Hành giả vì tham đắm, nên không cầu lìa dục của địa trên. Cho nên Phật nói rằng: Các thầy phải chánh niệm, chớ để cho lạc của đệ Tam thiền, nhấn chìm do địa mình không có trở ngại, nên không lập tuệ làm chi.

Lại nữa, địa của đệ Tứ thiền lập không khổ không lạc thọ làm chi.



Không khổ, không lạc thọ là phần vô minh, tuệ là phần minh, vì minh, vô minh là pháp trái nhau.

Hỏi: Nếu là chi thiền, cũng là phần giúp đạo chăng?

Đáp: Có khi chi thiền này chẳng phải phần giúp đạo, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Là chi thiền, chẳng phải phần giúp đạo: Sơ thiền quán lạc của đệ Tam thiền, không khổ, không vui của đệ Tứ thiền.

2. Là phần giúp đạo chẳng phải chi thiền: Tinh tiến, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

3. Là chi thiền, cũng là phần giúp đạo: Các phần giúp đạo khác.

4. Chẳng phải là chi thiền, cũng chẳng phải phần giúp đạo: Trừ ngằn ấy việc trên.

Hỏi: Quán của Sơ thiền lạc của đệ Tam thiền, không khổ không vui của đệ Tứ thiền, vì sao không lập phần giúp đạo?

Đáp: Vì che lấp, nên quán của địa Sơ thiền bị giác che lấp, do đó không lập phần giúp đạo. Lạc của đệ Tam thiền vì bị che lấp do lạc khinh an, nên không lập phần giúp đạo. Không khổ không vui của đệ Tứ thiền vì bị hành xả che lấp nên không lập phần giúp đạo. Vì các việc như thế, nên không lập phần giúp đạo.

Hỏi: Vì sao tinh tiến không lập chi thiền?

Đáp: Chi thiền đối với địa mình được thù thắng, tinh tiến đối với địa người được thù thắng. Tinh tiến của địa Sơ thiền tạo ra phương tiện thù thắng của địa đệ Nhị thiền, cho đến tinh tiến của Vô sở hữu xứ, tạo ra phương tiện thù thắng của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, tinh tiến trái với pháp sinh định, trái với pháp sinh định nào?

Đáp: Vui. Như nói: Vì vui nên tâm định sinh ra hành tinh tiến của chúng sinh, tất nhiên là khổ.

Hỏi: Vì sao chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng không lập chi thiền?

Đáp: Chi thiền là tương ưng là có duyên, là có hành, có chỗ dựa, là có thể dụng. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng trái với các pháp này, nên không lập chi thiền.

Hỏi: Nếu là chi thiền cũng là niệm xứ phải không? Nếu là niệm xứ cũng là chi thiền phải không? Nếu là chi thiền, thì cũng là chánh dứt, thần túc, căn, lực, giác đạo phần phải không? Nếu là chánh dứt, thần túc, căn, lực, giác đạo phần, cũng là chi thiền phải không? Nên nói rộng theo tướng.

Lại lập ra câu hỏi này: Nếu là chi Sơ thiên, cũng là phần giúp đạo chăng? Nếu là phần giúp đạo thì cũng là chi Sơ thiên chăng? Cho đến hỏi về đệ Tứ thiên cũng giống như thế, nên nói rộng theo tướng.

Lại, đặt ra câu hỏi này: Nếu là chi Sơ thiên thì cũng là niệm xứ, chánh dứt, thân tức, căn, lực, giác đạo phần phải không? Nếu là niệm xứ cho đến tám đạo phần thì cũng là chi Sơ thiên phải không? Cho đến đệ Tứ thiên, cũng hỏi giống như thế, nên theo nói rộng tướng.

Hỏi: Các biên và định Vô sắc có lập chi hay không? Nếu lập chi, thì vì sao ở đây không nói? Nếu không lập thì làm sao hiểu được Luận Thi Thiết, như nói: Có khi nào định Không xứ, đối với định Không xứ, là đạo thù thắng, căn thù thắng, định thù thắng chi v.v... hay không? Đáp: Có. Xuất định Không xứ khởi theo thứ lớp, rồi lại nhập vào định Không xứ?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Các biên và định Vô sắc lập chi, khéo hiểu được luận Thi Thiết nói.

Vì sao ở đây không nói?

Đáp: Nên nói như Sơ thiên, có bờ mé của năm chi, cũng có năm chi, trừ hỷ tăng, không khổ, không lạc thọ. Như đệ Nhị thiên căn bản có bờ mé của bốn chi, cũng có bốn chi, trừ hỷ tăng không khổ, không lạc thọ. Như đệ Tam thiên căn bản có bờ mé của năm chi, cũng có năm chi, trừ hỷ tăng, không khổ, không lạc thọ. Như đệ Tứ thiên căn bản có bờ mé của bốn chi cũng có bốn chi. Như đệ Tứ thiên, bốn định Vô sắc cũng giống như thế.

**Lời bình:** Các biên và định Vô sắc không lập chi. Cho nên ở đây không nói.

Hỏi: Luận Thi Thiết đã nói, làm sao hiểu được?

Đáp: Ở đây, sở dĩ nói căn thù thắng, đạo thù thắng, định thù thắng là vì công dụng của định sau làm nhân cho định trước sinh, nên chi v.v..., là nói chi Giác đạo.

Hỏi: Vì sao Sơ thiên, đệ Tam thiên lập năm chi, đệ nhị, đệ Tứ thiên lập bốn chi?

Đáp: Trước nói rằng: Nghĩa thuận theo là nghĩa chi. Nếu pháp thuận theo ở địa kia thì sẽ lập chi. Vì năm chi thuận theo nơi Sơ thiên, đệ Tam thiên, nên lập năm chi. Vì bốn chi thuận theo nơi đệ nhị, đệ Tứ thiên, nên lập bốn chi.

Lại nữa, cõi Dục là cõi khó dứt, khó trừ, khó vượt qua, thì cần phải đối trị bền chắc, cho nên, để đối trị cõi Dục kia, Sơ thiên lập năm chi. Hỷ của Nhị thiên vì khó dứt, khó trừ, khó vượt qua, phải đối trị bền

chắc. Cho nên để đối trị Hỷ của Nhị thiền kia, đệ Tam thiền lập ra năm chi. Vì Sơ thiền không khó dứt, khó trừ, khó vượt qua, không cần đối trị bền chắc. Cho nên để đối trị Sơ thiền kia, mà đệ Nhị thiền lập bốn chi.

Lại nữa, vì đối trị năm thứ cảnh giới ái cõi Dục, nên Sơ thiền lập năm chi. Vì đối trị năm thứ ái Hỷ của Nhị thiền, nên đệ Tam thiền lập năm chi. Vì Sơ thiền không có năm thứ ái cảnh giới, nên đệ Nhị thiền không lập năm chi. Đệ Tam thiền vì không có năm thứ ái, hỷ, nên đệ Tứ thiền không lập năm chi.

Lại nữa, vì muốn cho hành giả nhập định siêu việt được thuận theo, nên khởi năm chi định, nhập năm chi định, khởi bốn chi định, nhập bốn chi định.

Hỏi: Như khởi đệ Tam thiền nhập định Không xứ. Nếu là bốn chi, hoặc không có chi, ở đây làm sao được thuận theo?

Đáp: Tất cả chỗ tạo tác của pháp ngoại, pháp nội, đầu tiên phải thuận theo, về sau, khi việc đã thành, thì không cần thuận theo.

Chỗ tạo tác pháp ngoại.

Nghe nói có vị vua tên Chiên-đà-quật, quan tên Già-na-già, trong mười hai năm đã tạo ra kiểu mẫu vàng, lúc bắt đầu, hình thành được bằng chừng một hạt lúa, bèn tạo ra tiếng gầm sư tử. Nay sức của ta có thể tạo thành núi vàng.

Chỗ tạo tác của pháp nội: Như lúc hành giả tu thần túc, đầu tiên, có thể cất mình lên khỏi mặt đất, bằng nửa hạt mè chuyển thành hạt mè, nửa hạt lúa mì thành một hạt lúa mì, nửa ngón tay một ngón tay, nửa tấc bằng một tấc, nửa thước một thước, nửa khủy tay một khủy tay, nửa tầm một tầm, cái móc áo, cái giá mắc áo, về sau nếu hoàn thành có thể cất mình lên đến cõi trời A-ca-nị-trá.

Pháp ngoại, pháp nội như thế, khi việc chưa thành, thì phải thuận theo, khi việc đã thành, thì không cần thuận theo nữa. Định siêu việt kia cũng giống như vậy, khi việc chưa thành, xuất năm chi định, nhập năm chi định, xuất bốn chi định, nhập bốn chi định. Khi việc đã thành, xuất năm chi định, nhập bốn chi định, hoặc không có chi định.

Kinh Phật nói: Có bốn thứ pháp tâm sở định thù thắng thọ hiện pháp lạc.

Hỏi: Vì sao gọi là bốn thứ pháp tâm sở định thù thắng?

Đáp: Định kia có thế lực lớn, có thể thành việc lớn, có công dụng lớn, là thiền căn bản. Cho nên bốn thiền căn bản, gọi là pháp tâm sở định thù thắng.

Lại nữa, trong định căn bản kia, với nhiều các pháp tâm sở có thể

đạt được, như Vô lượng Thắng xứ giải thoát, Nhất thiết xứ vô ngại, một nửa nguyện trí vô tránh, thường đều cùng đặt để v.v...

Cho nên, gọi là pháp tâm sở định thù thắng.

Lại nữa, hành giả đối với định kia, được nhiều thứ tâm thọ lạc, như Vô lượng giải thoát, cho đến tam-muội Không - không, tam-muội Vô tướng - vô tướng, tam-muội Vô nguyện - vô nguyện. Cho nên gọi là định pháp tâm sở thù thắng thọ hiện pháp lạc.

Hỏi: Pháp này cũng thọ pháp lạc sau, không chỉ hiện pháp lạc, vì sao nói là thọ hiện pháp lạc, không nói là thọ hậu pháp lạc?

Đáp: Nên nói, như nói thọ hiện pháp lạc, cũng nên nói thọ hậu pháp lạc, nhưng không nói nên biết, thuyết này chưa trọn vẹn.

Lại nữa, nếu nói hiện pháp lạc thì nên biết là đã nói pháp lạc sau. Vì sao? Vì pháp lạc, phải nhân nơi hiện pháp lạc sau. Như nói: Trước tu định ở đây, sau sinh xứ kia.

Lại nữa, hiện pháp lạc có thể khiến cho hậu pháp lạc nối tiếp nhau, chẳng phải hậu pháp lạc có thể khiến cho Hiện pháp lạc được nối tiếp.

Cho nên nói hiện pháp lạc.

Lại nữa, hiện pháp lạc là môn được nương dựa của phương tiện nơi pháp lạc sau.

Lại nữa, hiện pháp lạc là chỗ tin của tất cả, như ngoại đạo, nội đạo, ngu, trí đều tin hiện pháp lạc. Pháp lạc sau thì có người tin, có người không tin. Người không tin pháp lạc sau: Như ngoại đạo.

Lại nữa, các phàm phu, Tiểu thừa tham đắm cái vui thiếu dục, không mong lìa dục, Phật đã nói rằng: Nếu các thầy muốn được lạc rộng lớn thì nên dứt ái dục, khởi thiền căn bản hiện ở trước, sẽ thọ lạc rộng lớn.

Lại nữa, hiện pháp lạc, tất cả đều thọ pháp lạc, sau có người thọ, có người không thọ.

Do những việc như thế, nên Phật nói thiền là hiện pháp lạc, chẳng phải pháp lạc sau.

Kinh Phật nói: Các Tỳ-kheo! Có bốn thứ thiên đạo, có thể làm cho chúng sinh kẻ bất tịnh được tịnh, người tịnh càng trở nên sáng suốt thù thắng.

Hỏi: Thế nào là lập thiên đạo? Vì được chánh quyết định, hay vì dứt hết lậu? Nếu do được chánh quyết định, lập thiên đạo, thì nên có sáu. Vì sao? Vì dựa vào sáu địa, được chánh quyết định. Sáu địa, gồm Vị chí, Trung gian, bốn thiền căn bản.

Nếu do dứt hết lậu, thì nên có chín. Vì sao? Vì hành giả dựa vào chín địa, được hết lậu. Chín địa: Vị chí, trung gian, bốn thiên, ba định Vô sắc?

Đáp: Nên nói rằng: Cũng do được chánh quyết định, cũng do dứt hết lậu, nên lập Thiên đạo. Thuyết này là ngăn dứt định Vô sắc.

Hỏi: Nếu vậy thì Thiên đạo lẽ ra có sáu.

Tôn giả Ba-xa nói: Ở đây nói thiên và quyến thuộc, nên có bốn, không có sáu.

Tôn giả Cù-sa nói rằng: Ở đây nói trời thanh tịnh gọi là trời, trời có ba hạng:

1. Trời giả danh.
2. Trời sinh.
3. Trời thanh tịnh.

Trời giả danh: Vua cõi người v.v...

Trời sinh: Từ trời Tứ thiên vương, cho đến trời Phi tướng Phi phi tướng xứ.

Trời thanh tịnh: Là A-la-hán. Ở đây nói: Trời Thanh tịnh gọi là trời, được hai thứ đạo là kiến đạo, tu đạo. Đạo nhãn, đạo trí, đạo pháp trí, đạo tử trí, có thể khiến cho thân tâm thanh tịnh.

Lại nữa, đối với đạo của trời Sinh, sinh tướng sợ hãi, vì muốn cho an trụ trong đạo trời theo nghĩa thật nên Đức Phật nói kinh này, có bốn thứ thiên đạo. trời Sinh: là cõi trời Ba mươi ba. Trời ấy có bốn thứ vườn rừng:

1. Tên là Chất- đa-la-tha.
2. Tên Phả-lưu-sa.
3. Tên Di-thi-ca-bà-na.
4. Tên Nan-đà-na.

Trong khu vườn ấy có bốn thứ đường, nơi có nhiều thể nữ đi dạo, trở lên các âm nhạc, đốt các thứ danh hương, sắp đặt các thứ ăn uống thịnh soạn, tùy ý sinh hình, chim hót các thứ âm thanh khiến chư Thiên dạo chơi trong vườn, thọ hưởng vui sướng. Các Thánh cũng vậy, Niết-bàn diệt tận là vườn rừng. Bốn thiên là con đường các thứ pháp thiện của phẩm Đạo dùng để trang sức, khiến các Hiền, Thánh thọ hưởng các thứ vui sướng, nhập Niết-bàn.

Thế nào là bốn thứ thiên đạo? Như Tỳ-kheo lìa pháp dục ác bất thiện, cho đến nói rộng.

Hỏi: Điều là lìa pháp cõi Dục, vì sao Đức Phật chỉ nói lìa pháp dục ác bất thiện?

---

Đáp: Như Phật nói: Là pháp dục, ác bất thiện, nên biết là nói đều là pháp cõi Dục.

Lại nữa, pháp thể này nên dứt, dứt rồi thì không thành tựu vì trở ngại với Thánh đạo. Pháp thiện hữu lậu, pháp vô ký không ẩn một, không trở ngại với Thánh đạo. Pháp dục ác bất thiện do trở ngại với Thánh đạo. Nếu dứt trừ pháp dục ác bất thiện, nên biết pháp thiện hữu lậu, pháp vô ký không ẩn một cũng dứt. Vì sao? Vì đồng một đối trị dứt. Ví như ngọn đèn không trở ngại với bình đựng, dầu và tim đèn, mà trở ngại với bóng tối. Nếu khi xua tan bóng tối, cũng khiến cho dầu cạn, tim lụn, bình đèn nóng lên.

Lại nữa, do pháp này là khó dứt, khó trừ, khó vượt qua. Lại nữa, do pháp này là ác nặng, có nhiều lỗi lầm.

Lại nữa, khi pháp này là ái dục, thì thường tạo ra trở ngại, làm cho pháp là dục không được nối tiếp nhau. Như người giữ cổng, không cho người khác vào. Pháp kia cũng giống như thế.

Lại nữa, hành giả vì đối trừ pháp này, nên tu đạo của định Sơ thiền.

Lại nữa, hành giả do ghét pháp này, nên đều là cõi Dục.

Lại nữa, vì pháp này ở địa trên đều không có không hiện hành. Do những việc như thế, nên Phật nói là pháp dục, ác bất thiện.

\* \* \* \* \*